



**ECOVIS**<sup>®</sup>  
AFA VIETNAM

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN – THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM**  
**ECOVIS AFA VIETNAM AUDITING – APPRAISAL AND CONSULTING CO., LTD**

142 Xo Viet Nghe Tinh St., Hoa Cuong Nam Ward, Hai Chau Dist., Danang City, Vietnam  
Tel: +84 236 363 3333 | Fax: +84 236 363 3338 | Email: info@ecovis.com.vn

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THUYẾT ĐIỆN ĐỊNH BÌNH**

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐỊNH BÌNH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐỊNH BÌNH**

Địa chỉ: Lô 28-29-30 Đường Điện Biên Phủ, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 26

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐỊNH BÌNH

Địa chỉ: Lô 28-29-30 Đường Điện Biên Phủ, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Định Bình (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Thái Văn Thắng	Chủ tịch (Bổ nhiệm lại ngày 24/05/2023)
Ông Nguyễn Tiến Hải	Thành viên (Bổ nhiệm lại ngày 24/05/2023)
Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyền	Thành viên (Bổ nhiệm lại ngày 24/05/2023)
Ông Phạm Như Hoàng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24/05/2023)
Ông Nguyễn Thái Bình	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24/05/2023)
Ông Trần Xuân Toàn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24/05/2023)
Ông Nguyễn Văn Phú	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24/05/2023)

#### Ban kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Xuân Toàn	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 24/05/2023)
Bà Bùi Thị Hạnh	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 24/05/2023)
Bà Lê Thị Xuân Loan	Thành viên (Bổ nhiệm lại ngày 24/05/2023)
Ông Tăng Trần Nhân	Thành viên (Bổ nhiệm lại ngày 24/05/2023)

#### Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phạm Như Hoàng	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 24/05/2023)
Ông Trần Xuân Toàn	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 24/05/2023)
Ông Võ Thắng Huỳnh	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm lại ngày 26/06/2023)
Ông Trương Đình Du	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm lại ngày 01/08/2023)

#### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật vào ngày lập báo cáo này của Công ty là ông Phạm Như Hoàng, Giám đốc.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐỊNH BÌNH

Địa chỉ: : Lô 28-29-30 Đường Điện Biên Phủ, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: [www.ecovis.com/vietnam/audit](http://www.ecovis.com/vietnam/audit)).

### CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Phạm Như Hoàng

Giám đốc

Quy Nhơn, ngày 20 tháng 02 năm 2024

Số: 06/2024/BCKT-E.AFA

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông**  
**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN ĐỊNH BÌNH**

### **Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Định Bình (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 02 năm 2024 từ trang 5 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Trần Thị Như Phương**

**Giám đốc kiểm toán**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2293-2023-240-1

Người được ủy quyền

**Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM**

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 02 năm 2024

*Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*

**Lê Văn Long**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 3303-2024-240-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐỊNH BÌNH**

Địa chỉ: Lô 28-29-30 Đường Điện Biên Phủ, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>57.725.913.803</b>	<b>47.848.671.722</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>7.163.331.454</b>	<b>1.573.815.561</b>
1. Tiền	111		4.163.331.454	1.573.815.561
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>34.000.000.000</b>	<b>30.435.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	34.000.000.000	30.435.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>16.286.047.728</b>	<b>15.499.702.233</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	14.797.082.937	14.945.849.918
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	1.488.964.791	553.852.315
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.5</b>	<b>266.417.408</b>	<b>278.780.314</b>
1. Hàng tồn kho	141		266.417.408	278.780.314
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10.117.213</b>	<b>61.373.614</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.6	10.117.213	61.373.614
2. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>43.450.508.134</b>	<b>49.872.858.813</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>41.917.762.572</b>	<b>47.498.299.531</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	41.038.312.572	46.618.849.531
Nguyên giá	222		145.978.653.255	145.978.653.255
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(104.940.340.683)	(99.359.803.724)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	879.450.000	879.450.000
Nguyên giá	228		879.450.000	879.450.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.532.745.562</b>	<b>2.374.559.282</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.6	848.399.524	1.686.291.676
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		684.346.038	688.267.606
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>101.176.421.937</b>	<b>97.721.530.535</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THUY ĐIỆN ĐỊNH BÌNH**

Địa chỉ: : Lô 28-29-30 Đường Điện Biên Phủ, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

**Mẫu B 01 - DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>10.972.989.260</b>	<b>10.206.690.854</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>10.972.989.260</b>	<b>10.206.690.854</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	1.783.239.834	2.598.143.059
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	5.886.840.041	3.434.677.360
3. Phải trả người lao động	314		992.607.000	1.250.550.241
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.11	7.313.325	-
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.12	389.524.195	1.432.758.331
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.13	-	-
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.913.464.865	1.490.561.863
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>90.203.432.677</b>	<b>87.514.839.681</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>4.14</b>	<b>90.203.432.677</b>	<b>87.514.839.681</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		82.300.000.000	82.300.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		82.300.000.000	82.300.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		22.714.000	22.714.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.880.718.677	5.192.125.681
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		4.653.183.681	3.848.375.664
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.227.534.996	1.343.750.017
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>101.176.421.937</b>	<b>97.721.530.535</b>



**Phạm Như Hoàng**  
Giám đốc

Quy Nhơn, ngày 20 tháng 02 năm 2024

**Trương Đình Du**  
Kế toán trưởng

**Trương Đình Du**  
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐỊNH BÌNH**

Địa chỉ: Lô 28-29-30 Đường Điện Biên Phủ, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

**Mẫu số B 02 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/ TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	72.495.409.176	73.447.048.286
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		72.495.409.176	73.447.048.286
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	28.129.963.110	30.067.851.050
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		44.365.446.066	43.379.197.236
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	3.055.118.644	1.782.701.173
7. Chi phí tài chính	22	5.4	13.346.319	-
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		13.346.319	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	4.799.075.910	5.006.910.305
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		42.608.142.481	40.154.988.104
11. Thu nhập khác	31	5.6	352.086.867	209.860.015
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		352.086.867	209.860.015
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		42.960.229.348	40.364.848.119
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	8.682.526.623	4.297.742.838
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		34.277.702.725	36.067.105.281
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.14.5	3.892	4.098
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.14.6	3.892	4.098



**Phạm Như Hoàng**  
Giám đốc

Quy Nhơn, ngày 20 tháng 02 năm 2024

**Trương Đình Du**  
Kế toán trưởng

**Trương Đình Du**  
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐỊNH BÌNH**

Địa chỉ: Lô 28-29-30 Đường Điện Biên Phủ, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

**Mẫu số B 03 - DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
(Theo phương pháp trực tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		72.381.542.746	68.444.135.459
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(19.945.063.863)	(17.987.737.023)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.599.636.598)	(4.160.321.940)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(13.346.319)	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(6.361.802.838)	(4.445.148.809)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		7.240.308.358	6.797.549.771
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(10.993.333.375)	(15.223.134.687)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>36.708.668.111</b>	<b>33.425.342.771</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(34.000.000.000)	(84.880.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		30.435.000.000	80.995.410.959
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.294.081.918	1.953.784.211
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.270.918.082)</b>	<b>(1.930.804.830)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	1.885.949.560	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(1.885.949.560)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(29.848.234.136)	(36.106.419.693)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(29.848.234.136)</b>	<b>(36.106.419.693)</b>
<b>LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>50</b>		<b>5.589.515.893</b>	<b>(4.611.881.752)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.573.815.561	6.185.697.313
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	<b>70</b>		<b>7.163.331.454</b>	<b>1.573.815.561</b>



Phạm Như Hoàng  
Giám đốc

Quy Nhơn, ngày 20 tháng 02 năm 2024

Trương Đình Du  
Kế toán trưởng

Trương Đình Du  
Người lập

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐỊNH BÌNH

Địa chỉ: Lô 28-29-30 Đường Điện Biên Phủ, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Định Bình (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở Hợp đồng liên doanh giữa Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung), Công ty Cổ phần Xây dựng 47 và Công ty TNHH Đại Hoàng Hà theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000051 ngày 25 tháng 10 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100541602). Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 06 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 02 tháng 06 năm 2023.

Công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 508/QĐ-SGDHN ngày 07 tháng 07 năm 2017 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán TDB.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 82.300.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô 28-29-30 Đường Điện Biên Phủ, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 23 (31/12/2022: 23).

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất điện thương phẩm.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh điện;
- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện;
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 22 KV;
- Xây dựng các công trình thủy lợi;
- Xây dựng các công trình thủy điện;
- Xây dựng các công trình dân dụng;
- Xây dựng các công trình công nghiệp.

#### 1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

#### 1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THUYẾT ĐIỆN ĐỊNH BÌNH

Địa chỉ: Lô 28-29-30 Đường Điện Biên Phủ, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### 2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

### 2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

### 3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 3.3. Đầu tư tài chính

#### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

### 3.4. Nợ phải thu

#### *Nguyên tắc ghi nhận*

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

### ***Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **3.5. Hàng tồn kho**

#### ***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

#### ***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### ***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

### **3.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

#### ***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

**Phương pháp khấu hao**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<b>Năm 2023</b>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 30 năm
▪ Máy móc, thiết bị	10 – 20 năm
▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 20 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 08 năm

**3.7. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

**Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu**

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

**Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình**

**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

**3.8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa, bảo hiểm xe... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

**3.9. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐỊNH BÌNH

Địa chỉ: Lô 28-29-30 Đường Điện Biên Phủ, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

#### 3.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

##### *Cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

##### *Phân phối lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### 3.11. Doanh thu, thu nhập khác

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận căn cứ vào hồ sơ xác nhận sản lượng điện năng phát vào lưới điện quốc gia và đơn giá quy định tại Hợp đồng kinh tế số 05/2011/DINHBINH/EVNPC/DHP ngày 31/05/2011 ký kết với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung. Đơn giá cụ thể áp dụng theo biểu giá chi phí tránh được Bộ Công Thương ban hành hàng năm.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

##### *Lãi tiền gửi*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### 3.12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.13. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

**3.14. Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

- Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động.
- Được miễn 4 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

Dự án Nhà máy Thủy điện Định Bình (tổ máy số 1 & 2) đã đi vào hoạt động và có thu nhập chịu thuế từ năm 2008, theo đó Công ty được áp dụng mức thuế suất 10% từ năm 2008 đến năm 2022, được miễn 4 năm (từ năm 2008 đến năm 2011) và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp của 9 năm tiếp theo (từ năm 2012 đến năm 2020). Thu nhập từ dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Định Bình (tổ máy số 3 đã đi vào hoạt động và có thu nhập chịu thuế từ năm 2013) được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo dự án đang hoạt động cho thời gian còn lại (bao gồm mức thuế suất, thời gian miễn giảm). Từ năm 2023 áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là: 20%.

- Miễn tiền thuế đất trong suốt thời gian thực hiện dự án.

(Những ưu đãi về thuế trên đây được quy định tại Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 42/GCN – UB ngày 20 tháng 04 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định căn cứ theo Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp; Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ tài chính).

***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế như sau:

- Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động kinh doanh điện thương phẩm. Được áp dụng mức thuế suất GTGT 8% đối với hoạt động này từ ngày 01/07/2023 đến hết ngày 31/12/2023 theo quy định tại Nghị định 44/2023/NĐ-CP ngày 30/06/2023 của Chính phủ;
- Các hoạt động khác áp dụng theo mức thuế suất quy định hiện hành.

***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐỊNH BÌNH

Địa chỉ: Lô 28-29-30 Đường Điện Biên Phủ, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

#### 3.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

#### 3.16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

#### 3.17. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất điện năng và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Bình Định.

#### 3.18. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

### 4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền mặt	63.269.642	243.453.672
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.100.061.812	1.330.361.889
Các khoản tương đương tiền	3.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>7.163.331.454</b>	<b>1.573.815.561</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUYẾT ĐIỆN ĐỊNH BÌNH**

Địa chỉ: Lô 28-29-30 Đường Điện Biên Phủ, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	34.000.000.000	34.000.000.000	30.435.000.000	30.435.000.000
<b>Cộng</b>	<b>34.000.000.000</b>	<b>34.000.000.000</b>	<b>30.435.000.000</b>	<b>30.435.000.000</b>

**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	14.797.082.937	14.945.849.918
<b>Cộng</b>	<b>14.797.082.937</b>	<b>14.945.849.918</b>
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 7	14.797.082.937	14.945.849.918

**4.4. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	1.314.889.041	-	553.852.315	-
Phải thu khác	174.075.750	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.488.964.791</b>	<b>-</b>	<b>553.852.315</b>	<b>-</b>

**4.5. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	266.417.408	-	278.780.314	-
<b>Cộng</b>	<b>266.417.408</b>	<b>-</b>	<b>278.780.314</b>	<b>-</b>

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUY ĐIỆN ĐỊNH BÌNH**

Địa chỉ: Lô 28-29-30 Đường Điện Biên Phủ, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.6. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí bảo hiểm	10.117.213	10.563.008
Chi phí trả trước khác	-	50.810.606
<b>Cộng</b>	<b>10.117.213</b>	<b>61.373.614</b>
Dài hạn:		
Chi phí sửa chữa tài sản cố định chờ phân bổ	428.992.085	674.130.418
Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	230.013.500	671.252.167
Chi phí trả trước khác	189.393.939	340.909.091
<b>Cộng</b>	<b>848.399.524</b>	<b>1.686.291.676</b>

**4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2023	41.592.810.576	89.082.187.097	12.912.833.038	2.390.822.544	145.978.653.255
XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>41.592.810.576</b>	<b>89.082.187.097</b>	<b>12.912.833.038</b>	<b>2.390.822.544</b>	<b>145.978.653.255</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2023	18.363.156.263	67.062.942.071	11.945.718.421	1.987.986.969	99.359.803.724
Khấu hao trong năm	1.459.273.770	3.625.883.338	240.301.569	255.078.282	5.580.536.959
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>19.822.430.033</b>	<b>70.688.825.409</b>	<b>12.186.019.990</b>	<b>2.243.065.251</b>	<b>104.940.340.683</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2023	23.229.654.313	22.019.245.026	967.114.617	402.835.575	46.618.849.531
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>21.770.380.543</b>	<b>18.393.361.688</b>	<b>726.813.048</b>	<b>147.757.293</b>	<b>41.038.312.572</b>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm cuối năm là 32.594.078.155 VND.

Không có tài sản cố định hữu hình được sử dụng để cầm cố, thế chấp các khoản vay.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐỊNH BÌNH**

Địa chỉ: Lô 28-29-30 Đường Điện Biên Phủ, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.8. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá:		
Tại ngày 01/01/2023	879.450.000	879.450.000
Tăng trong năm	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>879.450.000</b>	<b>879.450.000</b>
Khấu hao:		
Tại ngày 01/01/2023	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Giá trị còn lại:		
Tại ngày 01/01/2023	879.450.000	879.450.000
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>879.450.000</b>	<b>879.450.000</b>

Quyền sử dụng đất lâu dài tại lô 28, 29 và 30 Đường Điện Biên Phủ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định (Trụ sở Công ty).

Không có tài sản cố định vô hình được sử dụng để cầm cố, thế chấp các khoản vay.

**4.9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Khai thác Công trình Thủy lợi Bình Định	1.460.445.260	1.460.445.260	1.471.015.490	1.471.015.490
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	136.343.196	136.343.196	932.577.840	932.577.840
Các đối tượng khác	186.451.378	186.451.378	194.549.729	194.549.729
<b>Cộng</b>	<b>1.783.239.834</b>	<b>1.783.239.834</b>	<b>2.598.143.059</b>	<b>2.598.143.059</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUYẾT ĐIỆN ĐỊNH BÌNH**

Địa chỉ: Lô 28-29-30 Đường Điện Biên Phủ, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2023	Trong năm		Tại ngày
	VND	VND		01/01/2023
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	502.812.770	5.954.540.402	6.143.076.270	691.348.638
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.918.466.623	8.682.526.623	6.361.802.838	1.597.742.838
Thuế thu nhập cá nhân	331.989.684	1.147.155.577	935.340.507	120.174.614
Thuế tài nguyên	686.891.100	5.909.394.948	5.849.907.110	627.403.262
Thuế khác, phí và lệ phí	446.679.864	2.225.227.284	2.176.555.428	398.008.008
<b>Cộng</b>	<b>5.886.840.041</b>	<b>23.918.844.834</b>	<b>21.466.682.153</b>	<b>3.434.677.360</b>

**4.11. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày
	VND	01/01/2023
		VND
Trích trước chi phí tiền điện, cước dịch vụ viễn thông	7.313.325	-
<b>Cộng</b>	<b>7.313.325</b>	<b>-</b>

**4.12. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày
	VND	01/01/2023
		VND
Cổ tức phải trả	389.524.195	1.432.758.331
<b>Cộng</b>	<b>389.524.195</b>	<b>1.432.758.331</b>

**4.13. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2023		Trong năm		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	-	1.885.949.560	1.885.949.560	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.885.949.560</b>	<b>1.885.949.560</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 05/2023/HĐTD-BD-DN/SHB.131700 ngày 13/01/2023, số tiền vay là 1.885.949.560 VND; mục đích vay để bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; thời hạn cho vay là 01 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên, lãi suất được quy định tại Khế ước nhận nợ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUYỀN ĐIỆN ĐỊNH BÌNH**

Địa chỉ: Lô 28-29-30 Đường Điện Biên Phủ, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.14. Vốn chủ sở hữu****4.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	LNST chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2022	82.300.000.000	22.714.000	8.342.752.664	90.665.466.664
Lãi trong năm trước	-	-	36.067.105.281	36.067.105.281
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.803.355.264)	(1.803.355.264)
Trích thường vượt kế hoạch	-	-	(379.377.000)	(379.377.000)
Chia cổ tức	-	-	(37.035.000.000)	(37.035.000.000)
Tại ngày 01/01/2023	82.300.000.000	22.714.000	5.192.125.681	87.514.839.681
Lãi trong năm nay	-	-	34.277.702.725	34.277.702.725
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(1.713.885.136)	(1.713.885.136)
Trích thường vượt kế hoạch (*)	-	-	(1.070.224.593)	(1.070.224.593)
Chia cổ tức (*)	-	-	(28.805.000.000)	(28.805.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>82.300.000.000</b>	<b>22.714.000</b>	<b>7.880.718.677</b>	<b>90.203.432.677</b>

(\*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 và tạm phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/05/2023 và các Quyết định của Hội đồng quản trị số 18/2023/QĐ-HĐQT ngày 14/06/2023 và số 37/2023/QĐ-HĐQT ngày 23/10/2023. Trong đó, số liệu trích thường vượt kế hoạch năm 2022 là: 538.942.000 VND, tạm trích thường vượt kế hoạch năm 2023 là: 531.282.593 VND.

**4.14.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tổng Công ty điện lực Miền Trung	19.800.000.000	19.800.000.000
Công ty TNHH Quản lý Quý Bảo Việt	11.579.000.000	11.579.000.000
Các cổ đông khác	50.921.000.000	50.921.000.000
<b>Cộng</b>	<b>82.300.000.000</b>	<b>82.300.000.000</b>

**4.14.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn góp đầu năm	82.300.000.000	82.300.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
<b>Vốn góp cuối năm</b>	<b>82.300.000.000</b>	<b>82.300.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐỊNH BÌNH**

Địa chỉ: Lô 28-29-30 Đường Điện Biên Phủ, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.14.4. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.230.000	8.230.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng:	8.230.000	8.230.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.230.000	8.230.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn CSH)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ):	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn CSH)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	8.230.000	8.230.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.230.000	8.230.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn CSH)	-	-
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

**4.14.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	34.277.702.725	36.067.105.281
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(2.245.167.729)	(2.342.297.264)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	32.032.534.996	33.724.808.017
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	8.230.000	8.230.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.892</b>	<b>4.098</b>

**4.14.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	34.277.702.725	36.067.105.281
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(2.245.167.729)	(2.342.297.264)
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	32.032.534.996	33.724.808.017
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	8.230.000	8.230.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	8.230.000	8.230.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>3.892</b>	<b>4.098</b>

Chỉ tiêu lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2022 đã được điều chỉnh do trích lập thêm quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022 (thường vượt kế hoạch năm 2022) theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/05/2023.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐỊNH BÌNH**

Địa chỉ: Lô 28-29-30 Đường Điện Biên Phủ, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.14.7. Cổ tức**

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/05/2023 đã thông qua tỷ lệ cổ tức năm 2022 là 40%/Vốn điều lệ tương ứng: 32.920.000.000 VND. Số cổ tức này Công ty đã chi trả toàn bộ trong năm 2022.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/05/2023 đã thông qua phương án kế hoạch phân phối cổ tức năm 2023 theo tỷ lệ 40%/Vốn điều lệ, tương ứng: 32.920.000.000 VND.

Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2023 bằng tiền trong năm như sau:

- Đợt 1: tỷ lệ 20%/Vốn điều lệ, tương ứng: 16.460.000.0000 VND theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 18/2023/QĐ-HĐQT ngày 14/06/2023;
- Đợt 2: tỷ lệ 15%/Vốn điều lệ, tương ứng: 12.345.000.0000 VND theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 37/2023/QĐ-HĐQT ngày 23/10/2023.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm 2023</u> VND	<u>Năm 2022</u> VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	72.495.409.176	73.447.048.286
<b>Cộng</b>	<b><u>72.495.409.176</u></b>	<b><u>73.447.048.286</u></b>
Trong đó, doanh thu với các bên liên quan - Xem thêm mục 7	72.495.409.176	73.447.048.286

**5.2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm 2023</u> VND	<u>Năm 2022</u> VND
Giá vốn điện thương phẩm	28.129.963.110	30.067.851.050
<b>Cộng</b>	<b><u>28.129.963.110</u></b>	<b><u>30.067.851.050</u></b>

**5.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm 2023</u> VND	<u>Năm 2022</u> VND
Lãi tiền gửi	3.055.118.644	1.782.701.173
<b>Cộng</b>	<b><u>3.055.118.644</u></b>	<b><u>1.782.701.173</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUY ĐIỆN ĐỊNH BÌNH**

Địa chỉ: Lô 28-29-30 Đường Điện Biên Phủ, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.4. Chi phí tài chính**

	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	13.346.319	-
<b>Cộng</b>	<b>13.346.319</b>	<b>-</b>

**5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	1.535.841.905	1.661.465.765
Chi phí khấu hao tài sản cố định	192.762.136	192.762.132
Chi phí bằng tiền khác	3.070.471.869	3.152.682.408
<b>Cộng</b>	<b>4.799.075.910</b>	<b>5.006.910.305</b>

**5.6. Thu nhập khác**

	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu nhập từ chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải	352.086.867	209.860.015
<b>Cộng</b>	<b>352.086.867</b>	<b>209.860.015</b>

**5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	573.360.103	423.643.310
Chi phí nhân công	5.341.693.357	5.412.124.227
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.580.536.959	5.945.961.932
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.086.580.042	3.013.560.895
Chi phí khác bằng tiền	18.346.868.559	20.279.470.991
<b>Cộng</b>	<b>32.929.039.020</b>	<b>35.074.761.355</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUY ĐIỆN ĐỊNH BÌNH**

Địa chỉ: Lô 28-29-30 Đường Điện Biên Phủ, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	42.960.229.348	40.364.848.119
- Hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	-	38.384.456.631
- Hoạt động không được ưu đãi	42.960.229.348	1.980.391.488
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	452.403.769	632.188.769
- Thù lao HĐQT không tham gia điều hành	432.000.000	456.000.000
- Chi phí không được trừ	20.403.769	176.188.769
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	43.412.633.117	40.997.036.888
- Hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	-	39.016.645.400
- Hoạt động không được ưu đãi	43.412.633.117	1.980.391.488
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.682.526.623	4.297.742.838
- Hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi (10%)	-	3.901.664.540
- Hoạt động không được ưu đãi (20%)	8.682.526.623	396.078.298
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>8.682.526.623</b>	<b>4.297.742.838</b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền thu từ đi vay theo khuế ước thông thường	1.885.949.560	-
<b>Cộng</b>	<b>1.885.949.560</b>	<b>-</b>

**6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền chi trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	1.885.949.560	-
<b>Cộng</b>	<b>1.885.949.560</b>	<b>-</b>

**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan**

- Tổng Công ty Điện lực Miền Trung
- Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

**Mối quan hệ**

Công ty đầu tư  
Nhân sự quản lý chủ chốt

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUY ĐIỆN ĐỊNH BÌNH**

Địa chỉ: Lô 28-29-30 Đường Điện Biên Phủ, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu khách hàng:		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	14.797.082.937	14.945.849.918
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.3</b>	<b><u>14.797.082.937</u></b>	<b><u>14.945.849.918</u></b>

Trong năm, Công ty đã có những giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Bán hàng:		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	72.495.409.176	73.447.048.286
<b>Cộng - Xem thêm mục 5.1</b>	<b><u>72.495.409.176</u></b>	<b><u>73.447.048.286</u></b>

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chia cổ tức:		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	6.930.000.000	7.920.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>6.930.000.000</u></b>	<b><u>7.920.000.000</u></b>

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Thái Văn Thắng	Chủ tịch HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Trần Xuân Toàn	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 24/05/2023)	35.000.000	84.000.000
Ông Nguyễn Văn Phú	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 24/05/2023)	35.000.000	84.000.000
Ông Nguyễn Tiến Hải	Thành viên HĐQT	84.000.000	84.000.000
Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyền	Thành viên HĐQT	84.000.000	84.000.000
Ông Phạm Như Hoàng	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 24/05/2023)	49.000.000	-
Ông Nguyễn Thái Bình	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 24/05/2023)	49.000.000	-
Ông Trần Xuân Toàn	Trưởng BKS (Bổ nhiệm ngày 24/05/2023)	101.500.000	-
Bà Bùi Thị Hạnh	Trưởng BKS (Miễn nhiệm ngày 24/05/2023)	72.500.000	174.000.000
Bà Lê Thị Xuân Loan	Thành viên BKS	60.000.000	60.000.000
Ông Tăng Trần Nhân	Thành viên BKS	60.000.000	60.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUY ĐIỆN ĐỊNH BÌNH**

Địa chỉ: Lô 28-29-30 Đường Điện Biên Phủ, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của các thành viên Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên quản chủ chốt khác:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Phạm Như Hoàng	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 24/05/2023)	197.029.236	-
Ông Trần Xuân Toàn	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 24/05/2023)	457.602.000	509.073.895
Ông Võ Thắng Huỳnh	Phó Giám đốc	483.818.600	342.633.111
Ông Đặng Ngọc Căn	Phó Giám đốc	-	68.393.000
Ông Trương Đình Du	Kế toán trưởng	466.955.975	357.963.789
Ông Thái Văn Thắng	Chủ tịch HĐQT	160.000.000	128.500.000
Ông Nguyễn Văn Phú	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 24/05/2023)	99.650.000	82.000.000
Ông Nguyễn Tiến Hải	Thành viên HĐQT	102.150.000	82.000.000
Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyền (Bằng tiền và hiện vật phục vụ công tác)	Thành viên HĐQT	102.150.000	82.000.000
Ông Nguyễn Thái Bình	Thành viên HĐQT	2.500.000	-
Ông Trần Xuân Toàn	Trưởng BKS (Bổ nhiệm ngày 24/05/2023)	2.000.000	-
Bà Bùi Thị Hạnh	Trưởng BKS (Miễn nhiệm ngày 24/05/2023)	62.500.000	53.500.000
Bà Lê Thị Xuân Loan	Thành viên BKS	41.000.000	36.000.000
Ông Tăng Trần Nhân (Bằng tiền và hiện vật phục vụ công tác)	Thành viên BKS	41.000.000	36.000.000

**8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



**Phạm Như Hoàng**  
Giám đốc

Quy Nhơn, ngày 20 tháng 02 năm 2024

**Trương Đình Du**  
Kế toán trưởng

**Trương Đình Du**  
Người lập

